

-ㅂ니다/습니다

hiện tại lịch sự trang trọng

Văn phong trang trọng: thuyết trình, thông báo, phỏng vấn, bản tin. Để chia hơn -아요/어요 — không có hòa hợp nguyên âm, không có gộp âm — chỉ với một loại gốc từ bất quy tắc.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㅂ니다	가다 → 갑니다
Kết thúc bằng phụ âm	-습니다	먹다 → 먹습니다
Kết thúc bằng ㄹ	≡ bị lược bỏ	만들다 → 만듭니다
Động từ 하다	-ㅂ니다	공부하다 → 공부합니다
Câu hỏi	-ㅂ니까 / -습니까	가니까? / 먹습니까?
이다	입니다	학생입니다

Khi nào dùng

Quy tắc có hai dòng. Gốc từ kết thúc bằng nguyên âm đi với -ㅂ니다, và ㅂ được gắn vào âm tiết cuối: 가 thành 갑니다. Gốc từ kết thúc bằng phụ âm đi với -습니다: 먹 thành 먹습니다. Câu hỏi thì đổi 다 thành 까: 갑니까, 먹습니까.

Có một loại gốc từ phá vỡ quy tắc. Động từ kết thúc bằng ㄹ sẽ bỏ nó trước đuôi này: 만들다 thành 만듭니다, không phải 만들습니다. 살다, 알다, 놀다, 팔다 đều như vậy.

Chọn giữa đuôi này và -아요/어요 là vấn đề hoàn cảnh chứ không phải mức độ lịch sự. Cả hai đều lịch sự. -ㅂ니다 tạo khoảng cách và sự uy nghiêm; dùng với bạn bè sẽ nghe như đùa hoặc trách móc. Cũng lưu ý đuôi này viết là 니다 nhưng ㅂ bị biến âm khi đọc — 갑니다 đọc như [갑니다].

Ví dụ trong câu

- 1

안녕하십니까? 처음 뵙겠습니다.

Xin chào. Rất hân hạnh được gặp anh/chị.
- 2

지금부터 발표를 시작하겠습니다.

Bây giờ tôi xin bắt đầu phần thuyết trình.
- 3

어디에서 오셨습니까?

Anh/chị đến từ đâu ạ?
- 4

감사합니다. 수고하셨습니다.

Cảm ơn. Hôm nay anh/chị đã vất vả rồi.
- 5

저는 회사원입니다.

Tôi là nhân viên văn phòng.
- 6

내일 다시 연락드리겠습니다.

Ngày mai tôi sẽ liên lạc lại.

So sánh với

-아요/어요

Cùng mức lịch sự, khác khoảng cách. Dùng -ㅂ니다 khi nói trước đám đông, với khách hàng, hoặc với cấp trên trong bối cảnh trang trọng; dùng -아요 trong hội thoại thường ngày, kể cả với người bạn thân trọng.

발표를 시작하겠습니다. (với khán giả) / 이제 시작해요. (với đồng nghiệp)

-(으)십시오

Dạng mệnh lệnh trang trọng thuộc văn phong này. Dạng tương ứng thường ngày là -(으)세요, đi cùng -아요/어요.

이쪽으로 오십시오. (trang trọng) / 이쪽으로 오세요. (thường ngày)

Pha trộn văn phong

Người Hàn có chuyển qua lại giữa hai dạng trong cùng cuộc hội thoại, làm mềm bài nói trang trọng bằng đôi chỗ -아요. Điều nghe sai là đổi giữa câu hoặc giữa một ý.

감사합니다. 그럼 시작할게요. (tự nhiên) / 감사해요. 그럼 시작하겠습니다. (lịch tông)

Lưu ý

- ✗ 이 제품은 한국에서 만들습니다.

○ 이 제품은 한국에서 만듭니다.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bỏ ㄹ trước -ㅂ니다. Tương tự với 삽니다, 압니다, 놓입니다, 팝니다.
- ✗ 저는 학교에 가습니다.

○ 저는 학교에 갑니다.

가 kết thúc bằng nguyên âm nên đi với -ㅂ니다 và ㅂ gắn vào âm tiết. -습니다 chỉ dành cho gốc từ kết thúc bằng phụ âm.
- ✗ 친구야, 우리 밥 먹습니다.

○ 친구야, 우리 밥 먹자.

Đuôi trang trọng không hợp với cách xưng hô thân mật. Văn phong phải nhất quán trong cả câu.